

Số: 117/QĐ-BCĐNNDK

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của
Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO NHÀ NƯỚC
CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM VỀ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí.

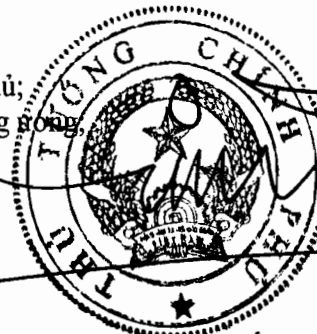
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, BCĐNNDK (2).xst 192

TRƯỞNG BAN



PHÓ THỦ TƯỚNG
Trịnh Đình Dũng

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí
(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-BCĐNNDK ngày 21 tháng 3 năm 2018 của
Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ban Chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm về dầu khí (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Nhà nước) có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm về dầu khí.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần cụ thể của Ban Chỉ đạo Nhà nước quy định tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

Điều 3. Nguyên tắc điều hành

1. Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban, các Ủy viên Ban Chỉ đạo Nhà nước làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Ban Chỉ đạo Nhà nước làm việc theo nguyên tắc tập trung thống nhất, các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước chịu trách nhiệm về phần việc được phân công; Trưởng Ban hoặc người được Trưởng Ban ủy quyền quyết định các vấn đề của Ban Chỉ đạo Nhà nước.

3. Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước ủy quyền cho Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước xử lý những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực được phân công.

Điều 4. Trưởng Ban triệu tập và chủ trì các phiên họp thường kỳ 6 tháng một lần và các phiên họp đột xuất khi cần thiết. Trưởng Ban có thể ủy quyền cho Phó Trưởng Ban chủ trì các phiên họp. Các thành viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo Nhà nước và chuẩn bị nội dung báo cáo theo quy định; trường hợp các thành viên trong Ban Chỉ đạo Nhà nước không thể tham dự phiên họp phải ủy quyền cho người có trách nhiệm tham dự.

Điều 5. Nội dung phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá các mặt hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước, kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương, các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và các nhà thầu; đề ra nhiệm vụ, kế hoạch, mục tiêu thực hiện tiếp theo; xem xét giải quyết hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Ban Chỉ đạo Nhà nước.

Điều 6. Ban Chỉ đạo Nhà nước phân công từng thành viên phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành; kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới cơ chế, chính sách và những giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao; Ban Chỉ đạo Nhà nước là đầu mối phối hợp chỉ đạo hoạt động của các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ đề ra để công tác đầu tư các dự án trọng điểm về dầu khí bảo đảm tiến độ, an toàn, chất lượng và hiệu quả.

Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo

1. Ban Chỉ đạo Nhà nước có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của mình.

2. Hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, năm; các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban phân công để kịp thời xử lý các yêu cầu và kiến nghị đề ra.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo nội dung do Trưởng Ban yêu cầu; Trưởng Ban báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về dầu khí và cơ chế chính sách liên quan.

Điều 8. Chế độ đi công tác

Căn cứ vào yêu cầu công việc, các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước chủ động đi công tác để nắm bắt tình hình, giải quyết những khó khăn, vướng mắc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chương III PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO NHÀ NƯỚC

Điều 9. Phân công trách nhiệm giữa các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước

1. Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước:

a) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Nhà nước được ban hành tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chỉ đạo chung hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước, chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo Nhà nước.

c) Kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư, cơ quan tư vấn, các nhà thầu và các đơn vị có liên quan thực hiện các dự án trọng điểm về dầu khí.

d) Quyết định các vấn đề về cơ chế đặc cách, chính sách ưu đãi đối với từng dự án cụ thể thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của các bộ, ngành, địa phương, Chủ đầu tư.

đ) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước.

e) Ủy quyền cho Phó Trưởng Ban thường trực hoặc các thành viên khác của Ban Chỉ đạo Nhà nước giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban khi cần thiết.

2. Phó Trưởng Ban thường trực, Bộ trưởng Bộ Công Thương:

a) Giúp Trưởng Ban điều hành giải quyết công việc theo nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý liên ngành và quản lý chuyên ngành.

b) Thay mặt Trưởng Ban chủ trì giải quyết các công việc của Ban Chỉ đạo Nhà nước khi Trưởng Ban vắng mặt.

c) Thừa ủy quyền Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan giải quyết các vấn đề liên ngành, các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện các dự án trọng điểm về dầu khí.

d) Phê duyệt Chương trình công tác và Dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước.

đ) Trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện và quản lý các dự án trọng điểm về dầu khí.

3. Các Phó Trưởng Ban (Thứ trưởng Bộ Công Thương, Thứ trưởng Bộ Xây dựng):

a) Giúp Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban thường trực điều hành giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý ngành.

b) Phó Trưởng Ban, Thứ trưởng Bộ Công Thương giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ đạo, điều hành Văn phòng Ban Chỉ đạo.

4. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo Nhà nước thuộc các bộ, ngành, cơ quan:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến công tác đầu tư, xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về dầu khí thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan mình theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước và kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới cơ chế, chính sách để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Nhà nước.

5. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo Nhà nước là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

a) Chỉ đạo thực hiện chức năng chủ đầu tư đối với các dự án trọng điểm về dầu khí được giao theo quy định của pháp luật hiện hành; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, nhà thầu thực hiện tiến độ, khối lượng và chất lượng công trình thuộc các dự án trọng điểm về dầu khí.

b) Báo cáo Ban Chỉ đạo Nhà nước tại các cuộc họp về những nội dung sau:

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước.

- Tình hình thực hiện tiến độ; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp tháo gỡ đối với các dự án trọng điểm về dầu khí được giao làm chủ đầu tư.

- Tình hình triển khai các chính sách, các khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp thực hiện; kiến nghị sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách thực hiện các dự án trọng điểm về dầu khí trong phạm vi các nhiệm vụ được phân công.

- Báo cáo kịp thời các vấn đề bất thường phát sinh và chịu trách nhiệm về quá trình triển khai, hiệu quả của các dự án.

Điều 10. Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước

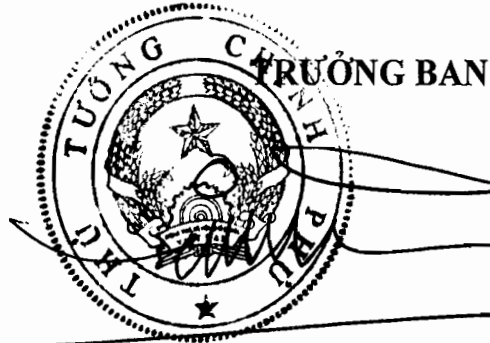
1. Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo Nhà nước; làm đầu mối tổng hợp, phối hợp công việc giữa các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước và các bộ, ngành, địa phương liên quan; giúp Ban Chỉ đạo Nhà nước kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc thực hiện các dự án trọng điểm về dầu khí; tổng hợp các báo cáo và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án trọng điểm về dầu khí.

2. Phó Trưởng Ban thường trực, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ và cử người làm việc tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Các thành viên Ban Chỉ đạo Nhà nước chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước và trước Thủ tướng Chính phủ về những công việc được Ban Chỉ đạo Nhà nước phân công; được sử dụng cán bộ, phương tiện, các trang thiết bị do đơn vị mình quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, Bộ Công Thương tổng hợp ý kiến, đề xuất nội dung cần bổ sung, sửa đổi trình Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước xem xét, quyết định.



PHÓ THỦ TƯỚNG
Trịnh Đình Dũng